

Số: 68/BC-NBS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305393838
- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 115.000.000.000 VND
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà văn phòng đại diện của Tổng Công ty Thép Việt Nam tại TP.HCM, số 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.38298244 - Số fax: 028.38298245
- Địa chỉ Chi nhánh Nhơn Trạch: Lô II đường số 3 Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3569672 - Số Fax: 0251.3569673
- Website: NBSTEEL.VN
- Mã cổ phiếu (nếu có): TNB

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Thép Nhà Bè thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam, với tiền thân là Công ty Thép Việt Thành (1971), Nhà máy Thép Việt Thành (1976), Nhà máy luyện cán Thép Nhà Bè (1981), Nhà máy Thép Nhà Bè (1992), Công ty Thép Nhà Bè (7/2007). Ngay sau đó Công ty đã tiến hành quá trình cổ phần hóa và được chính thức thành lập từ ngày 25/12/2007. Năm 2012 Công ty tiến hành di dời toàn bộ nhà xưởng sang KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú thuộc xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Một số mốc và sự kiện quan trọng của Công ty:

- + Ngày thành lập: 25/12/2007
- + Ngày giao dịch trên sàn UPCOM: 16/04/2010
- + Ngày thành lập chi nhánh Nhơn Trạch: 01/11/2010
- + Ngày khánh thành dự án di dời từ Quận 7 sang Nhơn Trạch: 31/05/2013
- + Ngày đổi tên Công ty gần nhất: theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp cấp đổi lần thứ 5, ngày 05/4/2016, công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề chính: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép.

Trong đó sản xuất kinh doanh thép xây dựng các loại là hoạt động chủ yếu, bao gồm:

- + Thép thanh vằn từ D10 - D40

- + Thép góc đều cạnh từ V25 đến V100
- + Thép cuộn phi 6 và phi 8
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- + Các tỉnh miền Tây trên 50%
- + Các tỉnh miền Đông trên 30%
- + Xuất khẩu Campuchia trên 10%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Là công ty con của Tổng công ty Thép Việt Nam –CTCP, do công ty mẹ chiếm 69,07% vốn điều lệ

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: Đến 31/12/2020, có 5 thành viên
 - + Ông Nguyễn Văn Chánh - Chủ tịch chuyên trách
 - + Ông Lê Việt - Thành viên, Tổng giám đốc
 - + Ông Nguyễn Hữu Khánh - Thành viên, Phó Tổng giám đốc
 - + Ông Lê Xuân Anh - Thành viên
 - + Ông Trương Bá Liêm - Thành viên
- Ban kiểm soát: Đến ngày 31/12/2020, có 3 thành viên:
 - + Ông Nguyễn Quốc Thiệu - Trưởng ban chuyên trách
 - + Ông Bùi Văn Vĩnh - Thành viên
 - + Bà Cù Thị Thùy Linh - Thành viên
- Ban Tổng giám đốc điều hành: Đến 31/12/2020, có 3 thành viên
 - + Ông Lê Việt - Tổng giám đốc
 - + Ông Nguyễn Hữu Khánh - Phó Tổng giám đốc kỹ thuật
 - + Ông Đỗ Ngọc Bằng - Phó Tổng giám đốc kinh doanh
- Các phòng chuyên môn:
 - + Phòng Tổ chức Hành chính
 - + Phòng Tài chính Kế toán
 - + Phòng Kế hoạch Kinh doanh
 - + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn
 - + Phòng Quản lý chất lượng
- Xưởng sản xuất cán thép công suất 180.000 tấn/năm
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020
 - + Ổn định công nghệ, thiết bị, nhằm tăng năng suất lao động phù hợp với năng lực sản xuất. Đảm bảo hoàn thành sản lượng 155.000 tấn thép cán các loại, đạt lợi nhuận 10 tỷ trước thuế;
 - + Thu nhập của người lao động tăng hơn so với 2019
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Từng bước phát triển thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu;
- + Chủ động nguồn phối thời bằng việc ký kết các hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp lớn và ổn định;
- + Đào tạo, phát triển đội ngũ lao động có trình độ, kỷ luật và kỹ năng nghề nghiệp cao.
- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
- + Tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa người lao động với Công ty, có trách nhiệm với xã hội;
- + Sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, nhất là sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- + Mở rộng thị trường xuất khẩu.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về lao động

Nền kinh tế đã hồi phục và phát triển, nhiều doanh nghiệp sản xuất thép, cơ khí, vật liệu điện, xây dựng ...được thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất, kéo theo nhu cầu về lao động kỹ thuật tăng cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật đảm bảo được yêu cầu công việc sẽ có sự cạnh tranh trong thị trường lao động, có thể phát sinh biến động về lao động, phát sinh chi phí thôi việc, chi phí tuyển dụng đào tạo mới,...

5.2. Rủi ro đặc thù

Về biến động giá nguyên liệu đầu vào và sản phẩm

Nguyên liệu sản xuất chính (phôi thép) của Công ty phải mua hoàn toàn từ thị trường, với tỉ trọng trên 90% giá thành sản phẩm, nên sự biến động về giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Đặc biệt, nếu giá bán sản phẩm biến động ngược chiều giá nguyên liệu thì sẽ dẫn đến tình trạng lợi nhuận âm. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã có giải pháp đấu thầu cạnh tranh cung cấp phôi, tùy theo tình hình thị trường để cân đối kịp thời điều chỉnh về số lượng, giá, thời hạn giao nhận, chủng loại,...đối với nguyên liệu và sản phẩm, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về sự cạnh tranh cùng ngành

Hiện trên thị trường Việt nam có rất nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép xây dựng, trong đó có những tên tuổi lớn. Thép Nhà Bè có thể mạnh là doanh nghiệp có bề dày phát triển trên 40 năm, nằm trong hệ thống thép xây dựng nhãn hiệu chữ /v/ truyền thống được thị trường và người tiêu dùng tin nhiệm, trong đó dòng sản phẩm thép góc đều cạnh được người tiêu dùng tin cậy. Để tăng lợi thế cạnh tranh của mình, Công ty không ngừng cải tiến công nghệ, đầu tư thiết bị, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện theo tinh thần luôn là bạn là đối tác tin cậy của nhà phân phối và người tiêu dùng.

5.3. Rủi ro về tài chính

Về tỷ giá

Nguyên nhiên liệu của Công ty mua chủ yếu tại thị trường trong nước, sản phẩm bán ra trên 90% cho thị trường trong nước, nên sự biến động về tỷ giá ngoại tệ với VNĐ ít gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo nếu tăng cường xuất khẩu thành phẩm và nhập khẩu nguyên liệu thì có thể xảy ra rủi ro này.

Về lãi suất

Công ty sử dụng vốn vay hoàn toàn để đáp ứng vốn lưu động cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất các Ngân hàng thương mại luôn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên rủi ro này vẫn luôn tiềm ẩn, đòi hỏi việc quản trị rủi ro phải luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường.

Về cháy nổ

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, Công ty hiện đang sử dụng hệ thống lò nung phôi cán bằng nguồn nhiên liệu khí gas thấp áp sử dụng qua hệ thống cung cấp trực tiếp của Công ty Gas Nhơn Trạch. Hiệu quả mang lại là rất lớn, tuy nhiên nguy cơ cháy nổ do khí gas cũng rất dễ xảy ra. Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp an toàn như tăng cường huấn luyện công nhân vận hành, kiểm tra giám sát an toàn thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với trung tâm cung cấp,... Cho đến nay chưa xảy ra trường hợp mất an toàn nào.

Về nguồn nước

Nguồn nước Công ty đang sử dụng cho sản xuất là rất lớn (50.000 m³/năm) được cung cấp từ CTCP cấp nước Nhơn Trạch. Với số lượng hàng ngàn doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, nguy cơ thiếu nước, chất lượng nước kém,... có thể xảy ra, ảnh hưởng tới lượng nước cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số liệu kết quả và hiệu quả SXKD năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng sản xuất (tấn)	175.579	155.000	166.211	107,23
2	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	151.905	150.000	162.343	108,23
3	Doanh thu thuần (Tr.đồng)	1.962.208	1.960.500	1.877.576	95,77
4	Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	26.361	10.000	23.887	238,87
5	Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)	18.995	8.000	20.254	253,175
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (ROE)	9,92%	4,4%	10,29	233,86
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,45%	1,77%	4,51	254,80
8	Lãi cơ bản/cổ phiếu	1.655	697	1.764	253,08
9	Thu nhập bình quân NLĐ (Tr.đồng/người/tháng)	15,47	15,509	16,436	105,98

Công ty đã chủ động đánh giá lựa chọn nhà cung cấp phôi đạt chất lượng với giá cạnh tranh, tiến độ giao hàng nhanh đáp ứng được nhu cầu sản xuất, từ đó giảm lượng tồn kho phôi thép vào cuối tháng, giảm chi phí đầu vào.

Áp dụng tốt các phương án quản trị, kiểm soát được công nghệ sản xuất. Triển khai nhanh chóng các hạng mục đầu tư để tăng năng suất, giảm sức lao động, phát huy tối đa công suất thiết bị, từ đó giảm tiêu hao nguyên vật liệu đầu vào, các chỉ tiêu KTKT như: thép thời-gas-điện đều giảm so với định mức và giảm so với năm 2019, góp phần vào việc tăng hiệu quả SXKD.

Để đẩy mạnh tiêu thụ trong năm 2020, Công ty đã tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, áp dụng phần mềm quản lý Rosy cho việc theo dõi

hàng tồn kho, đơn đặt hàng của khách hàng, tối ưu hóa trong công tác bán hàng, nhờ đó giữ chân được khách hàng với mức tiêu thụ ổn định.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Lê Việt	Kỹ sư cơ khí	Tổng giám đốc	2.779.000	10.100
2	Đỗ Ngọc Bằng	Cử nhân tài chính kế toán	Phó Tổng giám đốc		
3	Nguyễn Hữu Khánh	Kỹ sư cán thép	Phó Tổng giám đốc	1.191.859	3.100
4	Nguyễn Quốc Anh Dũng	Cử nhân Tài chính kế toán	Kế toán trưởng		

- Những thay đổi trong ban điều hành: không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Tổng số lao động: 197

+ Công ty thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các quy định pháp luật khác và Thỏa ước lao động tập thể.

+ Việc áp dụng chính sách trả lương cho người lao động theo vị trí, chất lượng công việc, kỷ luật lao động trong nhiều năm qua phát huy hiệu quả tích cực, người lao động gắn bó, có trách nhiệm ngày càng cao với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư tài chính: Không

- Đầu tư dự án: Theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2020, Công ty có 04 hạng mục đầu tư trị giá 10.800 triệu đồng. Kết quả đã hoàn thành 03 hạng mục và đưa vào sử dụng, hạng mục “Động cơ Pomini” hiện đang thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2021. Các hạng mục hoàn thành với tổng giá trị 7.348 triệu đồng và đảm bảo cơ cấu vốn vay và vốn chủ đúng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông, cụ thể: Cải tạo Hệ thống điện động lực cụm máy cán trung 6.379 triệu đồng; Giá cán Pomini: 520 triệu đồng ; Bộ vít ép cụm máy cán thô : 449 triệu đồng

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			

Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	535.559	361.671	
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.962.208	1.877.567	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	28.926	23.993	
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	-2.565	-106	
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	26.361	23.887	
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	18.995	20.254	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng	0	0	
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,15	1,43	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,58	0,63	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	63,80	39,2	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,76	0,81	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (C	10,25 3,57	11,45 5,19	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,97	0,011	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,92	10,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,45	4,51	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,19	4,69	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần

- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 đồng

- Số cổ phần: 11.500.000 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 11.500.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ đông: 359 trong đó

- Cổ đông lớn (chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên): 03 cổ đông
- Cổ đông là tổ chức: 5 cổ đông
- Cổ đông nước ngoài: 14 cổ đông
- Cổ đông trong nước: 345 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 21.009 cổ phiếu
- Tình hình giao dịch: Không

e) Các chứng khoán khác : Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 160.329 tấn thép thời

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tổng năng lượng tiêu thụ kế hoạch: 253.146.000 MJ

Tổng năng lượng tiêu thụ: 270.420.223 MJ

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 100.000 kwh và 13.000 MMBTU khí thấp áp.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Cải tạo lò nung phôi để giảm tiêu hao gas;
- Thay thế các động cơ có tích hợp biến tần để giảm tiêu hao điện;
- Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo sản xuất ổn định

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung: Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
- Số lượng sử dụng: 53.341 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 42.673 m³ chiếm tỉ lệ 80 %

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động: 197
- Lương bình quân: 16,436 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/

- Tổ chức nhà ăn tập thể: có
- Có trạm y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát thuốc điều trị thông thường hàng ngày và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp hàng năm.
- Bồi dưỡng độc hại cho công nhân trực tiếp sản xuất bằng hiện vật (sữa tươi).
- Có Thỏa ước lao động tập thể với những nội dung có lợi hơn cho NLĐ (sinh nhật, lễ Tết, hiếu hỉ, phúng điếu đám tang, hỗ trợ học tập, trợ cấp khó khăn, thanh toán tiền tàu xe đi phép...)

c) Hoạt động đào tạo người lao động/

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm:
 - + Cán bộ quản lý: 45 giờ
 - + Nhân viên nghiệp vụ: 20 giờ
 - + Công nhân kỹ thuật: 20 giờ
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp
 - + Huấn luyện kỹ thuật an toàn – Bảo hộ lao động;
 - + Huấn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm;
 - + Chương trình Quản trị môi trường làm việc;
 - + Đào tạo chuyển nghề;
 - + Đào tạo nâng bậc, nâng ngạch.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

- Tham gia chương trình xã hội từ thiện của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP
- Phụng dưỡng Mẹ VNAH và thương binh nặng
- Ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ Vì người nghèo tại địa phương, ...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Chưa có

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

- Về sản lượng: Năm 2020, sản xuất đạt 166.210 tấn, tăng 7,23% so với kế hoạch, tiêu thụ đạt 162.343 tấn, tăng 8,23% so kế hoạch. Trong năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lây lan mạnh trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19, trong đó cách ly toàn xã hội 15 ngày trên phạm vi toàn quốc đã tác động ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực xây dựng và thị trường thép, các

hạng mục đầu tư công chậm giải ngân, thị trường tiêu thụ với sức mua kém làm cung vượt xa cầu, cạnh tranh giữa các thương hiệu thép xây dựng trong nước ngày càng gay gắt, giá cả biến động.

- Thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt bởi các đối thủ tăng cường đầu tư mở rộng quy mô, hạ giá để chiếm thị phần, trong khi lợi thế cạnh tranh của Công ty so với đối thủ còn hạn chế, chính sách giá thiếu linh hoạt, dự báo thị trường thiếu chính xác. Giá phôi biến động khó lường, khoảng chênh lệch giữa giá phôi và giá bán thành phẩm thấp. Tuy nhiên, do kịp thời đưa một số hạng mục đầu tư, cải tạo vào hoạt động đã góp phần tăng năng suất lao động đối với tất cả các dòng sản phẩm, cùng với việc thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý, sản lượng sản xuất tăng 7,23% và tiêu thụ của Công ty tăng 8,23% so kế hoạch. Đời sống thu nhập của NLĐ được duy trì, nội bộ đoàn kết, dân chủ cơ sở được phát huy. Các nghĩa vụ với Nhà nước, với xã hội được thực hiện đầy đủ.

- Về lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế là 26,887 tỷ đồng, đạt 268,87% kế hoạch.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Công đoạn cán dây tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật cũng như tiêu thụ.

- Hoàn thành và đưa vào sản xuất sản phẩm thép góc lớn (V100) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Thực hiện có hiệu quả các phương án quản trị trong Công ty;

- Giảm các chỉ tiêu tiêu hao kinh tế kỹ thuật trong SXKD so với 2019

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

+ Sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty;

+ Không có nợ xấu, nợ khó đòi;

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả đều trong phạm vi kiểm soát.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Biến động về tỉ giá và chênh lệch lãi vay trong năm 2020 ảnh hưởng không đáng kể đến SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ứng dụng phần mềm Rosy vào công tác quản lý, dần ổn định bước đầu đã mang lại hiệu quả, triển khai ứng dụng phần mềm quản lý công việc (1Office), chấm công bằng vân tay và đang triển khai tiếp các phân hệ quản lý nhân sự, tiền lương, quản lý văn thư lưu trữ.

- Hoạt động phân tích tài chính và định mức chi phí hàng tháng được duy trì giúp kiểm soát chi phí và tăng cường hơn nữa công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tạo ý thức cho người lao động, đặc biệt là kiểm soát chỉ tiêu tiêu hao phôi.

Những nội dung công việc này nhằm từng bước thay đổi, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý đã góp phần quan trọng trong công tác quản lý, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm nội địa, tăng cường xuất khẩu trong khu vực;

- Tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ cán thép, giảm giá thành chung;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Nhất trí với số liệu của kiểm toán độc lập

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải

Các chỉ tiêu môi trường đều được kiểm soát trong mức quy định, chỉ tiêu sử dụng điện nước thấp hơn năm 2019.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Có sự quan tâm chu đáo đầy đủ đến NLĐ, đảm bảo việc làm, thu nhập cao hơn so năm 2019.

- Thường xuyên bổ sung những chính sách liên quan đến NLĐ như Thỏa ước LĐTT, quy chế trả lương, các chế độ phúc lợi (tham quan, nghỉ mát, bồi dưỡng độc hại,...)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ tích cực các hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương nơi đăng ký kinh doanh và nơi sản xuất;

- Tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào do địa phương phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Với sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể CBCNV, năm 2020 Công ty đã đạt chỉ tiêu sản lượng của Đại hội đồng cổ đông 2019 đề ra. Duy trì SXKD đảm bảo cung ứng sản phẩm ra thị trường, từng bước củng cố thương hiệu sản phẩm thép chữ /V/.

Duy trì tốt môi trường làm việc cho NLĐ, đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu môi trường trong phạm vi cho phép, tích cực xây dựng, cải tạo thiết bị công nghệ để giảm thiểu đến mức thấp nhất ô nhiễm, phát động phong trào Xanh – Sạch – Đẹp trong toàn Công ty.

Tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện của địa phương. Chăm lo thường xuyên đến đời sống vật chất tinh thần của người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, chiến lược đầu tư,... do điều kiện đặc thù của Công ty, các thành viên Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện chương trình hoàn thiện, đồng bộ các công đoạn, thiết bị trên dây chuyền sản xuất, tổ chức sản xuất ổn định đạt sản lượng và chất lượng cũng như năng suất và công suất thiết bị.

- Từng bước mở rộng thị trường nội địa, củng cố thị trường xuất khẩu khu vực

- Thường xuyên đào tạo, phát triển đội ngũ lao động đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Nguyễn Văn Chánh	Cử nhân Kinh tế đối ngoại	Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.860.000	
2	Lê Việt	Kỹ sư cơ khí	UV HĐQT Tổng giám đốc	2.779.000	10.100
3	Lê Xuân Anh	Kỹ sư cơ khí	UV HĐQT Phó Tổng giám đốc	1.112.000	
4	Trương Bá Liêm	Kỹ sư cơ khí	Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)	1.150.000	
5	Nguyễn Hữu Khánh	Kỹ sư cơ học biến dạng và cán kim loại	Ủy viên Hội đồng quản trị	1.191.859	3.100

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập tiểu ban mà giao cho từng thành viên HĐQT phụ trách từng nội dung liên quan.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lần họp trong năm: 4 lần

- Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 0 lần

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trương Bá Liêm là Phó Tổng giám đốc CTCP Kim khí TP Hồ Chí Minh, đại diện sở hữu 1,15 triệu cổ phần, là thành viên không điều hành Công ty, cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty CP Thép Nhà Bè và Công ty CP kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD thép xây dựng.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

5/5 thành viên HĐQT đã học và có chứng chỉ quản trị công ty đại chúng do UBCKNN tổ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Nguyễn Quốc Thiều	Cử nhân Tài chính kế toán	Trưởng ban kiểm soát		
2	Bùi Văn Vĩnh	Cử nhân quản trị kinh doanh	Thành viên Ban kiểm soát		3.437
3	Cù Thị Thùy Linh	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Thành viên Ban kiểm soát		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Họp mỗi quý 1 lần

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

CTCP THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 69/NBS-TCHC

Về việc công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL
2. Mã chứng khoán: TNB
3. Trụ sở chính: Tầng 4 – 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (028) 38298244 Fax: (028) 38298245–Email: thepnhabe@nbsteel.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Việt - Tổng giám đốc
6. Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên 2020**
8. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố: www.nbsteel.vn

Chúng tôi cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự giúp đỡ của UBCK Nhà nước và Sở GDCK Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên 2020

Người thực hiện công bố thông tin 



Lê Việt